BỘ XÂY DỰNG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 494/GCN-BXD	*Hà Nội, ngày 06 tháng 8 năm 2018*

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Căn cứ Nghị định số 81/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng và Thông tư số 06/2017/TT-BXD ngày 25/4/2017 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Xét Công văn xin đăng ký cấp đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng của Công ty cổ phần tư vấn khoa học công nghệ và kiểm định xây dựng ngày 12 tháng 7 năm 2018,

CHỨNG NHẬN:

1. Công ty cổ phần tư vấn khoa học công nghệ và kiểm định xây dựng

Địa chỉ: Nhà N3,Phòng 3,Tập thể đại học Xây dựng, Phường Đồng Tâm, Quận Hai Bà Trưng,Hà Nội.

Mã số thuế: 0102172625

Tên phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm kiểm định chuyên ngành xây dựng - giao thông

Địa chỉ đặt phòng thí nghiệm: Nhà A1, ngõ 102, Trường Chinh, Đống Đa, Hà Nội.

Đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng với các chỉ tiêu thí nghiệm nêu trong bảng Danh mục kèm theo Giấy chứng nhận này.

2. Mã số phòng thí nghiệm: **LAS-XD 533**

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực 05 năm kể từ ngày cấp và thay thế các Quyết định: số 45/QĐ-BXD ngày 28 tháng 02 năm 2012, số 103/QĐ-BXD ngày 10 tháng 4 năm 2013, số 264/QĐ-BXD ngày 14 tháng 5 năm 2015 và số 322/QĐ-BXD ngày 04 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng./.

Nơi nhận:	**TL. BỘ TRƯỞNG**
- Công cổ phần tư vấn KHCN và KĐXD;	**VỤ TRƯỞNG**
- Sở XD Tp. Hà Nội;	**VỤ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG**
- TT thông tin (*Website*);	
- Lưu: VT, Vụ KHCN&MT.	**Vũ Ngọc Anh**

DANH MỤC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM
CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 533

(Kèm theo Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng Số: 494/GCN-BXD, ngày 06 tháng 8 năm 2018)

TT	Tên phép thử	Cơ sở pháp lý tiến hành thử
	Thử nghiệm cơ lý của xi măng	
1	Độ mịn, Khối lượng riêng của xi măng	TCVN 4030:2003
2	Xác định giới hạn bền nén và uốn	TCVN 6016:2011
3	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và tính ổn định thể tích	TCVN 6017:1995
4	Xác định nhiệt thủy hóa	TCVN 6070:1995
5	Xác định hàm lượng Silic Dioxit (SiO_2) và cặn không tan	TCVN 141:1998
6	Xác định hàm lượng Kali Oxit (KO_2) và Natri Oxit (Na_2O)	TCVN 141:1998
7	Xác định hàm lượng Sắt III Oxit (Fe_2O_3)	TCVN 141:1998
8	Xác định hàm lượng Nhôm Oxit (Al_2O_3)	TCVN 141:1998
9	Xác định hàm lượng Canxi Oxit (CaO)	TCVN 141:1998
10	Xác định hàm lượng Magie Oxit (MgO)	TCVN 141:1998
11	Xác định hàm lượng Anhydric Sunfuric (SO_3)	TCVN 141:1998
12	Xác định hàm lượng clorua (Cl^-)	TCVN 141:1998
13	Độ nở Autoclave	TCVN 7711:2007
14	Xác định độ nở Sunfat	TCVN 6068 :2004
	Hỗn hợp bê tông và bê tông nặng	
15	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106 :1993
16	Xác định độ cứng vebe của hỗn hợp bê tông	TCVN 3107 :1993
17	Xác định khối lượng thể tích của hỗn hợp bê tông	TCVN 3108 : 1993
18	Xác định độ tách nước tách vữa	TCVN 3109 : 1993
19	Xác định hàm lượng bọt khí của vữa bê tông	TCVN 3111 : 1993
20	Xác định khối lượng riêng	TCVN 3112 : 1993
21	Xác định độ hút nước	TCVN 3113 : 1993
22	Xác định độ mài mòn	TCVN 3114 : 1993
23	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 3115 : 1993
24	Xác định độ chống thấm nước	TCVN 3116: 1993
25	Xác định độ co	TCVN 3117 : 1993
26	Xác định giới hạn bền nén	TCVN 3118 : 1993
27	Xác định giới hạn bền kéo khi uốn	TCVN 3119 : 1993
28	Xác định giới hạn bền kéo dọc trục khi bửa	TCVN 3120 : 1993
29	Đánh giá cường độ bê tông trên kết cấu công trình	TCXDVN239 : 2006
	Thử nghiệm cốt liệu cho bê tông và vữa	
30	Xác định thành phần hạt	TCVN 7572-2 : 2006
31	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-4 : 2006
32	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và hạt cốt liệu lớn	TCVN 7572-5 : 2006
33	Xác định khối lượng thể tích xốp và độ xốp	TCVN 7572-6 : 2006
34	Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7 : 2006
35	Xác định hàm lượng chung bụi, bùn, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8 : 2006
36	Xác định hàm lượng tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9 : 2006
37	Xác định cường độ và hệ số hoá mềm của đá gốc	TCVN 7572-10 : 200
38	Xác định độ nén dập và hệ số hoá mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11 : 200
39	Xác định độ mài mòn Los Angeles (LA)	TCVN 7572-12 : 200
40	Xác định hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13 : 200
41	Xác định khả năng phản ứng kiềm - Silic	TCVN 7572-14 : 200
42	Xác định hàm lượng clorua	TCVN 7572-15 : 200
43	Xác định hàm lượng Sulfat và sulfit trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-16 : 200
44	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hoá	TCVN 7572-17 : 200

45	Xác định hàm lượng hạt bị đập vỡ	TCVN 7572-18 : 200
46	Xác định hàm lượng mica	TCVN 7572-20 : 200
47	Đương lượng cát, hệ số (ES)	ASTM D2419 : 1991
48	Cát nghiền cho bê tông và vữa	TCVN 9205 :2012
	Thử nghiệm vữa xây dựng	
49	Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất	TCVN 3121-1: 2003
50	Xác định độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-3: 2003
51	Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi	TCVN 3121-6: 2003
52	Xác định khả năng giữ độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-8: 2003
53	Xác định thời gian bắt đầu đông kết	TCVN 3121-9: 2003
54	Xác định khối lượng thể tích vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-10: 200
55	Xác định cường độ nén và uốn của vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-11: 200
56	Xác định độ bám dính của vữa trên nền	TCVN 3121-12 : 2003
57	Xác định hàm lượng ion clo hòa tan trong nước	TCVN 3121-18 : 2003
58	Xác định độ hút nước của vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-18 : 2003
59	Vữa cho bê tông nhẹ	TCVN 9028 : 2011
60	Vữa xi măng trộn sẵn không co	TCVN 9204 : 2012
61	Phương pháp xác định hàm lượng bọt khí trong vữa xi măng	TCVN 8873 :2012
62	Gạch gốm ốp lát -Vữa, keo chít mạch và dán gạch	TCVN 7899 :2008
	Vữa dán gạch ốp lát	
63	Xác định độ mịn	TCXDVN 336 :2005
64	Xác định thời gian công tác	TCXDVN 336 :2005
65	Xác định độ trượt	TCXDVN 336 :2005
66	Xác định cường độ bám dính	TCXDVN 336 :2005
	Thử nghiệm cơ lý đất trong phòng	
67	Xác định KLR (tỷ trọng)	TCVN 4195: 2012
68	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196: 2012
69	Xác định giới hạn dẻo, giới hạn chảy	TCVN 4197: 2012
70	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 4198: 1995
71	Xác định độ chặt tiêu chuẩn	TCVN 4201: 2012
72	Xác định khối lượng thể tích (dung trọng)	TCVN 4202: 2012
73	Thí nghiệm sức chịu tải của đất (CBR) trong phòng thí nghiệm	22TCN 332 : 2006
74	Xác định sức chống cắt trên máy cắt phẳng	TCVN 4199:1995
75	Xác định tính nén lún trong điều kiện không nở hông	TCVN 4200:1995
76	Xác định các chỉ tiêu của đất trên máy nén 3 trục (UU, Cu, CD, CV)	ASTM D280:1995
77	Thí nghiệm nén 1 trục có nở hông	ASTM D2166:2001
78	Xác định hệ số thấm K	ASTM D2434:2000
79	Thí nghiệm cắt cánh trong phòng	ASTM D2579:1978
80	Đầm nén đất, đá dăm trong phòng thí nghiệm	22TCN 333-2006
	Kiểm tra thép xây dựng	
81	Thử kéo	TCVN 197: 2014
82	Thử uốn	TCVN 198: 2008
83	Kiểm tra chất lượng mối hàn (thử uốn)	TCVN 5401: 1991
84	Kiểm tra chất lượng mối hàn cống (thử nén dẹt)	TCVN 5402: 1991
85	Thử kéo mối hàn kim loại	TCVN 5403: 1991
86	Kiểm tra mối hàn bằng phương pháp siêu âm	TCVN 1548: 1987 TCVN 6735 :2000
87	Thép làm cốt bê tông và bê tông dự ứng lực	TCVN 7937:2009
88	Thép cốt bê tông dự ứng lực	TCVN 6284:1997
89	Kiểm tra lớp phủ mạ kẽm vật liệu kim loại	TCVN 5026:2010
90	Kéo nhổ thép tại hiện trường	ASTM E1512
91	Kiểm tra không phá hủy – Phương pháp thẩm thấu	TCVN 4617 :1996
92	Lớp phủ mạ kẽm nhúng nóng trên bề mặt gang, thép	TCVN 5408:2007
93	Phương pháp thí nghiệm xác định chiều dày lớp phủ	TCVN 5878:2007
94	Tải trọng phá hoại cuả bulông, vít, vít cây, đai ốc	TCVN 1916 :1995
95	Thép cốt bê tông – Mối nối bằng ống ren	TCVN 8163 :2009
96	Thép cốt bê tông – Mối nối bằng dập ép ống	TCVN 9390 :2012
97	Lưới thép hàn dùng trong kết cấu bê tông cốt thép	TCVN 9391 :2012
98	Phương pháp kiểm tra chất lượng ống thép – thử nén bẹp	ASTM A370 :2011
99	ống – Thử nén bẹp	TCVN 1830 :2008

100	Thử cáp thép	ASTM A370 TCVN 6368 :1998
101	Thí nghiệm khung cửa lõi thép	TCVN 7451 :2004 TCVN 7452 :2004 TCVN 9366 :2012
102	Kiểm tra không phá hủy – Phương pháp dùng bột từ	TCVN 4396 :1986
103	Cốt thép – Phương pháp thử uốn và uốn lại	TCVN 6287 : 1997
104	Kiểm tra chất lượng mối hàn (thử kéo ngang)	TCVN 8311 :2010
105	Kiểm tra chất lượng mối hàn (thử kéo dọc)	TCVN 8311 :2010
	Bê tông nhựa	
106	Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall	TCVN 8860-1:2011
107	Xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy quay li tâm	TCVN 8860-2:2011
108	Xác định thành phần hạt	TCVN 8860-3:2011
109	Xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của BTN ở trạng thái rời	TCVN 8860-4:2011
110	Xác định tỷ khối, khối lượng thể tích của BTN ở trạng thái đầm nén	TCVN 8860-5:2011
111	Xác định độ chảy nhựa	TCVN 8860-6:2011
112	Xác định góc cạnh của cát	TCVN 8860-7:2011
113	Xác định hệ số độ chặt lu lèn	TCVN 8860-8:2011
114	Xác định độ rỗng dư	TCVN 8860-9:2011
115	Xác định độ rỗng cốt liệu	TCVN 8860-10:2011
116	Xác định độ rỗng lấp đầy nhựa	TCVN 8860-11:2011
117	Xác định độ ổn định còn lại của BTN	TCVN 8860-12:2011
118	Xác định cường độ chịu nén	ASTM D1074 AASHTO T167
	Nhựa bitum	
119	Xác định độ kim lún ở 25^{0}C	TCVN 7495:2005
120	Xác định độ kéo dài ở 25^{0}C	TCVN 7496:2005
121	Xác định nhiệt độ hoá mềm (phương pháp vòng bi)	TCVN 7497:2005
122	Xác định điểm chip cháy và điểm cháy bằng thiết bị thử cốc hở Cleveland	TCVN 7498:2005
123	Xác định tổn thất khối lượng sau gia nhiệt 5h ở 163 ^{0}C	TCVN 7499:2005
124	Xác định lượng hoà tan của nhựa trong tricloretylen	TCVN 7500:2005
125	Xác định khối lượng riêng (Phương pháp Pycnometer)	TCVN 7501:2005
126	Xác định độ nhớt động học ở ở 135 ^{0}C	TCVN 7502:2005
127	Xác định hàm lượng paraphing bằng phương pháp chưng cất	TCVN 7503:2005
128	Xác định độ bám dính với đá	TCVN 7504:2005
	Nhựa đường lỏng	
129	Xác định nhiệt độ bắt lửa	TCVN 8818-2 : 2011
130	Xác định hàm lượng nước	TCVN 8818-3 : 2011
131	Thử nghiệm chưng cất	TCVN 8818-4 : 2011
132	Xác định độ nhớt tuyệt đối	TCVN 8818-5 : 2011
	Nhựa tương nhựa đường axít	
133	Xác định độ nhớt Saybolt Furol	TCVN 8817-2 : 2011
134	Xác định độ lắng và độ ổn đinh lưu trữ	TCVN 8817-3 : 2011
135	Xác định hạt quá cỡ	TCVN 8817-4 : 2011
136	Xác định điện tích hạt	TCVN 8818-5 : 2011
137	Xác định độ khử nhũ	TCVN 8818-6 : 2011
138	Thử nghiệm trộn với xi măng	TCVN 8818-7 : 2011
139	Xác định độ bám dính và tính chịu nước	TCVN 8818-8 : 2011
140	Thử nghiệm chưng cất	TCVN 8818-9 : 2011
141	Thử nghiệm bay hơi	TCVN 8818-10 : 2011
142	Nhận biết nhũ tương nhựa đường axit phân tách nhanh	TCVN 8818-11 : 2011
143	Nhận biết nhũ tương nhựa đường axit phân tách chậm	TCVN 8818-12 : 2011
144	Xác định khả năng trộn lẫn với nước	TCVN 8818-13 : 2011
145	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 8818-14 : 2011
	Bột khoáng trong bê tông nhựa	
146	Thành phần hạt	22TCN 58:1984
147	Lượng mất khi nung	22TCN 58:1984
148	Khối lượng riêng	22TCN 58:1984
149	Hàm lượng nước	22TCN 58:1984
150	Khối lượng thể tích và độ rỗng của bột khoáng	22TCN 58:1984

151	Hàm lượng chất hoà tan trong nước	22TCN 58:1984
152	Khối lượng thể tích và độ rỗng dư của hỗn hợp bột khoáng chất và nhựa đường	22TCN 58:1984
153	Hệ số háo nước	22TCN 58:1984
154	Xác định khối lượng riêng của bột khoáng và nhựa đường	22TCN 58:1984
155	Độ trương nở thể tích của hỗn hợp bột khoáng và nhựa đường	22TCN 58:1984
156	Chỉ số hàm lượng nhựa của bột khoáng	22TCN 58:1984
	Thử nghiệm cơ lý gạch xây	
157	Xác định kích thước và khuyết tật	TCVN 6355-1:2009
158	Xác định cường độ bền nén	TCVN 6355-2:2009
159	Xác định cường độ bền uốn	TCVN 6355-3:2009
160	Xác định độ hút nước	TCVN 6355-4:2009
161	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 6355-5:2009
162	Xác định vết tróc do vôi	TCVN 6355-6:2009
163	Xác định độ rỗng	TCVN 6355-7:2009
	Cơ lý gạch bê tông tự chèn	
161	Kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6476 :1999
162	Xác định cường độ nén	TCVN 6476 :1999
163	Xác định độ hút nước	TCVN 6476 :1999
164	Xác định độ mài mòn	TCVN 6476 :1999
	Thử nghiệm cơ lý gạch bê tông	
165	Kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6477 :2016
166	Xác định cường độ nén	TCVN 6477 :2016
167	Xác định độ hút nước	TCVN 6477 :2016
168	Xác định độ rỗng	TCVN 6477 :2016
169	Xác định độ thấm nước của gạch block bê tông	TCVN 6477 :2016
	Gạch terrazzo	
170	Độ hút nước	TCVN 7744:2007
171	Độ bền uốn	TCVN 7744:2007
172	Độ chịu mài mòn sâu	TCVN 7744:2007
	Gạch gốm ốp lát	
173	Xác định kích thước và hình học	TCVN 6415-2:2005
174	Xác định độ hút nước	TCVN 6415-3:2005
175	Xác định độ bền uốn và lực uốn gẫy	TCVN 6415-4:2005
176	Xác định độ mài mòn sâu đối với gạch không phủ men	TCVN 6415-6:2005
177	Xác định độ mài mòn sâu đối với gạch phủ men	TCVN 6415-7:2005
178	Xác định hệ số dãn nở nhiệt dài	TCVN 6415-8:2005
179	Xác định độ bền sốc nhiệt	TCVN 6415-9:2005
180	Xác định hệ số dãn nở ẩm	TCVN 6415-10:2005
181	Xác định độ bền rạn men	TCVN 6415-11:2005
182	Xác định độ bền băng giá	TCVN 6415-12:2005
183	Xác định độ bền hóa học	TCVN 6415-13:2005
184	Xác định độ bền chống bàm bẩn	TCVN 6415-14:2005
185	Xác định độ cứng theo thang Morh	TCVN 6415-18 :2005
	Gạch xi măng lát nền	
186	Kiểm tra ngoại quan	TCVN 6065:1995
187	Xác định độ hút nước	TCVN 6065:1995
188	Xác định độ chịu lực xung kích	TCVN 6065:1995
189	Xác định độ mài mòn	TCVN 6065:1995
190	Xác định lực uốn gãy	TCVN 6065:1995
191	Xác định độ cứng lớp mặt	TCVN 6065:1995
192	Thử gạch lát Granito	TCVN 6074:1995
	Bê tông nhẹ – gạch bê tông bọt, khí không chưng áp	
193	Kiểm tra kích thước	TCVN 9030 :2011
194	Xác định độ vuông góc	TCVN 9030 :2011
195	Xác định độ thẳng cạnh, độ phẳng mặt	TCVN 9030 :2011
196	Xác định khối lượng thể tích khô	TCVN 9030 :2011
197	Xác định độ hút nước	TCVN 9030 :2011
198	Xác định cường độ nén	TCVN 9030 :2011
	Bê tông nhẹ – gạch bê tông bọt, khí chưng áp (ACC)	

199	Kiểm tra kích thước	TCVN 7959 :2011
200	Xác định độ thẳng cạnh, độ phẳng mặt	TCVN 7959 :2011
201	Xác định khối lượng thể tích khô	TCVN 7959 :2011
202	Xác định cường độ nén	TCVN 7959 :2011
203	Xác định độ co khô	TCVN 7959 :2011
	Gạch granite	
204	Xác định chất lượng bề mặt	TCVN 6883 :2001
205	Xác định hút nước	TCVN 6883 :2001
206	Xác định độ mài mòn	TCVN 6883 :2001
207	Xác định độ bền uốn	TCVN 6883 :2001
	Cơ lý bentonnit	
208	Xác định khối lượng riêng	TCVN 9395 – 2012
209	Độ nhớt	TCVN 9395 – 2012
210	Hàm lượng cát	TCVN 9395 – 2012
211	Tỷ lệ keo	TCVN 9395 – 2012
212	Độ PH	TCVN 9395 – 2012
213	Hàm lượng mất nước	TCVN 9395 – 2012
214	Độ dày của áo sét	TCVN 9395 – 2012
215	Lực cắt tĩnh	TCVN 9395 – 2012
216	Tính ổn định	TCVN 9395 – 2012
	Thử nghiệm tại hiện trường	
217	Dụng trọng, độ ẩm của đất bằng phương pháp dao đai	22TCN 02:71
218	Độ ẩm, KLTT của đất trong lớp kết cấu bằng PP rót cát	22 TCN 346:06
219	Xác định modul đàn hồi 'E ' nền đường bằng tấm ép cứng	TCVN 8861 :2011
220	Độ bằng phẳng của mặt đường bằng thước 3m	TCVN 8864 :2011
221	Xác định độ bằng phẳng mặt đường theo chỉ số độ ghề quốc tế IRI	TCVN 8865 :2011
222	Kiểm tra độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866 :2011
223	Xác định modul đàn hồi 'E ' chung của áo đường bằng cần Benkelman	TCVN 8867 :2011
224	Đo điện trở đất	TCVN 9385:2012
225	Phương pháp xác định cường độ nén bằng súng bật nẩy	TCVN 9334 :2012
226	Phương pháp không phá hoại sử dụng kết hợp máy đo siêu âm va súng bật nẩy để xác định cường độ nén bê tông	TCVN 9335 :2012
227	Phương pháp điện từ xác định chiều dày lớp bê tông bảo vệ, vị trí và đường kính cốt thép trong bê tông	TCVN 9356 :2012
228	Phương pháp không phá hủy đánh giá chất lượng bê tông bằng vận tốc xung siêu âm	TCVN 9357 :2012
229	Phương pháp điện thế kiểm tra khả năng cốt thép bị ăn mòn	TCVN 9348 :2012
230	Kết cấu bê tông - Đánh giá độ bền của các bộ phận kết cấu chịu uốn trên công trình bằng chất tải tĩnh	TCVN 9344:2012
231	Cấu kiện bê tông và BTCT đúc sẵn – PP gia tải để đánh giá độ bền, độ cứng và khả năng chống nứt	TCVN 9347:2012
232	Nhà và công trình xây dựng – Xác định chuyển dịch ngang bằng phương pháp trắc địa	TCVN 9399 :2012
233	Nhà và công trình dạng tháp – Xác định độ nghiêng bằng phương pháp trắc địa	TCVN 9400 :2012
234	Xác định độ lún công trình dân dụng và công nghiệp bằng phương pháp đo cao hình học	TCVN 9360:2012
235	Cọc – PP thí nghiệm hiện trường bằng tải trọng tĩnh ép dọc trục	TCVN 9393: 2012
236	Cọc khoan nhồi – Xác định tính đồng nhất của bê tông - phương pháp xung siêu âm	TCVN 9396: 2012
237	Thí nghiệm cọc bằng phương pháp biến dạng lớn (PDA)	ASTM D4945 -00 TCXDVN 359 :05
238	Thí nghiệm biến dạng nhỏ (PIT)	TCVN 9397 :2012
239	Thử bộ neo bê tông dự ứng lực T13 ; T15 và D13 ; D15	22TCN 267 :2000
240	Thí nghiệm cắt cánh hiện trường (FVT)	ASTM D2573-1994
241	Thí nghiệm xuyên động DCP	ASTM STP399
242	Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn (thử nghiệm SPT)	TCXD 226 :1999
243	Thí nghiệm CBR – Ngoài hiện trường	ASTM D4429 :1992
244	Thí nghiệm kiểm tra đối với cột vôi và xi măng ở hiện trường – Xuyên cắt thuận	Report 4 :95 SGF
245	Phương pháp xác định modun biến dạng tại hiện trường bằng tấm nén phẳng	TCVN 9354 :2012
246	Phương pháp thí nghiệm thử tải khung trần treo	ASTM C635M-07
	Dây điện	
247	Độ bền điện áp tần số công nghiệp	TCVN 5935:95 TCVN 6610-5 :07

248	Điện trở suất khối cách điện ở 70 °C	TCVN 5936 : 95
249	Đường kính , tiết diện sợi đồng	TCVN 6612 : 07 TCVN 6610-1 :07
250	Xác định chiều dày lớp cách điện, chiều dày lớp vỏ bọc	TCVN 5935 :2013
251	Điện trở một chiều của ruột dẫn ở 20 °C	TCVN 6612 : 07
252	Xác định đường kính ruột dẫn, đường kính dây	TCVN 1547 : 1987
253	Thử kéo	TCVN 7305 :2008
	Kính xây dựng	
1	**Kính tấm xây dựng**	
254	Kích thước mẫu	TCVN 7219 : 2002
255	Khuyết tật ngoại quan	TCVN 7219 : 2002
256	Độ cong vênh	TCVN 7219 : 2002
257	Độ biến dạng quang học	TCVN 7219 : 2002
258	Độ truyền sáng	TCVN 7219 : 2002
2	**Kính dán nhiều lớp và kính dán an toàn nhiều lớp**	
259	Sai lệch chiều dày	TCVN 7219 : 2002
260	Khuyết tật ngoại quan	TCVN 7364-6 : 2004
261	Xác định độ bền nhiệt độ cao + Thử điều kiện ẩm + Thử điều kiện khô	TCVN 7364-4 : 2004
262	Xác định độ bền va đập bằng bi rơi	TCVN 7368: 2013
263	Xác định độ bền va đập bằng con lắc	TCVN 7368: 2013
3	**Kính phẳng tôi nhiệt**	
264	Sai lệch chiều dày	TCVN 7219 : 2002
265	Khuyết tật ngoại quan	TCVN 7219 : 2002
266	Ứng suất bề mặt	TCVN 8261 : 2009
267	Thử phá vỡ mẫu	TCVN 7455 : 2013
268	Xác định độ bền va đập bằng bi rơi	TCVN 7455 : 2013 TCVN 7368: 2013
269	Xác định độ bền va đập bằng con lắc	TCVN 7455 : 2013 TCVN 7368: 2013
4	**Kính cán vân hoa**	
270	Sai lệch chiều dày	TCVN 7527 : 2005
271	Độ cong vênh	TCVN 7219 : 2002
272	Khuyết tật ngoại quan	TCVN 7527 : 2005
5	**Kính phủ phản quang**	
273	Sai lệch chiều dày và độ cong vênh	TCVN 7219 : 2002
274	Khuyết tật ngoại quan	TCVN 7219 : 2002
275	Hệ số phản xạ năng lượng ánh sáng mặt trời	TCVN 7528 : 2005
276	Độ bền mài mòn	TCVN 7528 : 2005
	Thử nghiệm cơ lý gỗ	
277	Xác định số vòng năm	TCVN 8045:2009
278	Xác định độ hút ẩm	TCVN 8046:2009
279	Xác định sức chống tách	TCVN 8047:2009
280	Xác định độ ẩm khi thử cơ lý	TCVN 8048-1:2009
281	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 8048-2:2009
282	Xác định giới hạn bền khi uốn tĩnh	TCVN 8048-3:2009
283	Xác định giới hạn bền khi nén	TCVN 8048-5:2009
284	Xác định ứng xuất kéo song song thớ	TCVN 8048-6:2009
285	Xác định giới hạn bền khi kéo	TCVN 8048-7:2009
286	Xác định độ dãn nở thể tích	TCVN 8048-16:2009
	Ván gỗ nhân tạo	
287	Xác định kích thước, độ vuông góc, độ thẳng cạnh	TCVN7756-2 :2007
288	Xác định độ ẩm	TCVN7756-3 :2007
289	Xác định khối lượng thể tích	TCVN7756-4 :2007
290	Xác định độ trương nở chiều dày sau khi ngâm trong nước	TCVN7756-5 :2007
291	Xác định mô đun đàn hồi khi uốn tĩnh và độ bền uốn tĩnh	TCVN7756-6 :2007
292	Xác định độ bền kéo vuông góc với mặt ván	TCVN7756-7 :2007
293	Xác định độ bền ẩm	TCVN7756-8 :2007
294	Xác định chất lượng dán dính của ván gỗ dán	TCVN7756-9 :2007

295	Xác định độ bền mặt	TCVN7756-10 :2007
296	Xác định lực bám giữ đinh vít	TCVN7756-11 :2007
297	Xác định hàm lượng fomaldehyt	TCVN7756-12 :2007
	Vải địa kỹ thuật	
298	Phương pháp xác định khả năng chịu tia cực tím và nhiệt độ	TCVN 8482 :2010
300	Phương pháp xác định độ dày danh định	TCVN 8220:2009
301	Phương pháp xác định khối lượng đơn vị diện tích	TCVN 8221:2009
302	Phương pháp xác định kích thớc lỗ lọc bằng phép thử sàng ớt	TCVN 8486:2010
304	Phương pháp xác định cờng độ chịu kéo và độ dãn dài	TCVN 8485:2010
305	Phương pháp xác định sức bền kháng thủng bằng phơng pháp rơi côn	TCVN 8484:2010
306	Xác định lực kéo giật và độ dãn dài kéo giật	TCVN 8871-1:2011
307	Xác định lực xé rách hình thang	TCVN 8871-2:2011
308	Phơng pháp xác định lực xuyên thủng (CBR)	TCVN 8871-3:2011
309	Xác định lực kháng xuyên thủng	TCVN 8871-4:2011
310	Xác định áp lực kháng bục	TCVN 8871-5:2011
311	Xác định kích thước lỗ biểu kiến bằng phép thử sàng khô	TCVN 8871-6:2011
312	Phương pháp xác định độ dẫn nớc	TCVN 8483:2010
313	Phương pháp xác định độ thấm xuyên	TCVN 8487:2010
314	Phương pháp xác định khả năng chịu tia cực tím và nhiệt độ	TCVN 8482 :2010
315	Phương pháp xác định độ dày danh định	TCVN 8220:2009
316	Phương pháp xác định khối lợng đơn vị diện tích	TCVN 8221:2009
	Thử nghiệm tính năng cơ lý của màng sơn	
317	Xác định độ mịn	TCVN 2091:93
318	Xác định độ nhớt	TCVN 2092:93
319	Xác định hàm lượng chất rắn và chất tạo màng	TCVN 2093:93
320	Xác định độ phủ	TCVN 2095:93
321	Xác định độ khô và thời gian khô	TCVN 2096:93
322	Xác định độ bám dính của màng theo phương pháp kẻ vạch	TCVN 2097:93
323	Xác định độ bền uốn của màng	TCVN 2099:93
324	Xác định độ bền va đập của màng	TCVN 2100:93
325	Xác định tỷ trọng của màng sơn	ISO 2811-1:97
326	Xác định độ cứng của màng sơn	TCXDVN 388:2007
327	Xác định mầu sắc	TCVN 2102:1993
328	Xác định độ bền nhiệt ẩm của màng sơn	TCVN 9405:2012
329	Phương pháp thử mù muối- Sơn và lớp phủ bảo vệ kim loại	22TCN 301-2002
330	Thí nghiệm các chỉ tiêu cơ lý của sơn kẻ đường	TCVN 8791:2011
	Sơn tường - sơn nhũ tương	
331	Màu sắc	TCVN 2102 : 2008
332	Trạng thái của sơn trong thùng chứa, đặc tính thi công, độ ổn định ở nhiệt độ thấp, ngoại quan màng sơn	TCVN 8653-1:2012
333	Xác định độ bền nớc của màng sơn	TCVN 8653-2:2012
334	Xác định độ bền kiềm của màng sơn	TCVN 8653-3:2012
335	Xác định bền rửa trôi cuả màng sơn	TCVN 8653-4:2012
336	Xác định độ bền chu ký nóng lạnh của màng sơn	TCVN 8653-5:2012
337	Xác định độ mịn	TCVN 2091 : 1993
338	Xác định độ phủ	TCVN 2095 :1993
339	Xác định thời gian khô	TCVN 2096 : 1993
340	Xác định độ bám dính	TCVN 2097 : 1993
	Sơn epoxy	
341	ổn định trong thùng chứa	TCVN 9014 :2011
342	Tính đồng nhất	TCVN 9014 :2011
343	Độ mịn	TCVN 2091 :2008
344	Thời gian khô	TCVN 2096 :2008
345	Khả năng thi công	TCVN 9014 :2011
346	Bề ngoài màng sơn	TCVN 9014 :2011
347	Thời gian sống	TCVN 9014 :2011
348	Độ bóng	TCVN 2101
349	Độ bền va đập	TCVN 2100
350	Khả năng chịu kiềm	TCVN 9014 :2011
351	Khả năng chịu xăng	TCVN 9014 :2011

352	Hàm lượng chất không bay hơi	TCVN 9014 :2011
353	Xác định định tính nhựa epoxy	TCVN 9014 :2011
	Vật liệu chống thấm – sơn nhũ tương bitum	
354	Độ mịn	TCVN 2091 :2008
355	Độ nhớt quy ước	TCVN 2092 :2008
356	Độ phủ	TCVN 2095 :2008
357	Hàm lượng chất không bay hơi	TCVN 2093 :2008
358	Thời gian khô	TCVN 6557 :2000
359	Độ bền uốn	TCVN 2099 :2007
360	Độ bám dính của màng sơn trên nền vữa	TCVN 2097 :1993
361	Độ chịu nhiệt	TCVN 6557 :2000
362	Độ xuyên nước	TCVN 6557 :2000
363	Độ bền lâu	TCVN 6557 :2000
	Bột bả matit	
364	Xác định độ mịn	TCVN 4030 : 2003
365	Thời gian đông kết	TCVN 6017 :1995
366	Độ giữ nớc	TCVN 7239 :2014
367	Xác định độ cứng bề mặt	TCVN 7239 :2014
368	Xác định độ bám dính với nền	TCVN 7239 :2014
	Tấm thạch cao	
369	Kích thước, độ sâu của gờ vuốt thon và độ vuông góc của cạnh	TCVN 8257-1:2009
370	Độ cứng	TCVN 8256:2009
371	Cường độ chịu uốn	TCVN 8256:2009
372	Độ biến dạng ẩm	TCVN 8256:2009
373	Độ kháng nhổ đinh	TCVN 8256:2009
374	Độ hút nước	TCVN 8256:2009
375	Độ trương nở chiều dày sau 24h ngâm nước	TCVN 7756-5:2009
376	Độ hấp thụ nước bề mặt	TCVN 8257-7:2009
377	Độ thẩm thấu hơi nước	TCVN 8257-8:2009
	Đá ốp lát nhân tạo	
378	Kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 8057:2009
379	Độ hút nước	TCVN 8057:2009
380	Khối lượng thể tích	TCVN 8057:2009
381	Độ bền uốn	TCVN 8057:2009
382	Độ mài mòn sâu	TCVN 8057:2009
383	Độ cứng bề mặt	TCVN 8057:2009
	Đá ốp lát tự nhiên	
384	Kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 4732 :2007
385	Độ hút nước	TCVN 4732 :2007
386	Khối lượng thể tích	TCVN 4732 :2007
387	Độ bền uốn	TCVN 4732 :2007
388	Độ cứng vạch bề mặt	TCVN 4732 :2007
389	Độ chịu mài mòn sâu	TCVN 4732 :2007
	Phân tích hóa nước cho xây dựng	
390	Xác định hàm lượng cặn không tan	TCVN 4560:1988
391	Xác định hàm lượng muối hòa tan	TCVN 4560:1988
392	Xác định độ PH	TCVN 6492:1999
393	Xác định hàm lượng clorua (Cl^-)	TCVN 6194:1996
394	Xác định hàm lượng Sunfat (SO_4^{--})	TCVN 6200:1996
395	Xác định hàm lượng tạp chất hữu cơ	TCVN 4565:1988
396	Xác định màu và mùi	TCVN 4558:1998
	Thí nghiệm nhôm	
397	Sai lệch kích thước về hình dạng	TCVN 5841 :1994
398	Cường độ chịu kéo	TCXDVN 330 :2004
399	Độ dãn dài tương đối	TCXDVN 330 :2004
400	Độ cứng HV	TCVN 257 :2007

401	Dung sai kích thước chiều dày	TCXDVN 330:2004
402	Lớp phủ không từ trên nền từ - đo chiều dày lớp phủ	TCVN 5878: 1995
	Ống bê tông cốt thép	
403	Kiểm tra ngoại quan, khuyết tật và nhãn mác	TCVN 9113:2012
404	Kiểm tra kích thước	TCVN 9113:2012
405	Xác định khả năng chống thấm	TCVN 9113:2012
406	Kiểm tra cường độ bê tông	TCVN 9113:2012
407	Thử khả năng chịu tải của đốt cống	TCVN 9113:2012
	Cống hộp bê tông cốt thép	
408	Kiểm tra ngoại quan, khuyết tật và nhãn mác	TCVN 9116:2012
409	Kiểm tra kích thước và độ vuông góc của đầu ống cống hộp	TCVN 9116:2012
410	Thử độ thấm nước của ống cống hộp	TCVN 9116:2012
411	Kiểm tra cường độ bê tông	TCVN 9116:2012
412	Thử khả năng chịu tải của ống cống	TCVN 9116:2012
	Gioăng cao su, băng cản nước	
413	Tỷ trọng	TCVN 4866 : 2013
414	Xác định độ bền xé rách cuả gioăng cao su	TCVN 1597 : 2010
415	Xác định các tính chất ứng suất – giãn dài khi kéo của gioăng cao su	TCVN 4509 : 2013
416	Xác định độ bền kéo đứt	ASTM D412:2006 TCVN 9407:2014
417	Xác định độ dãn dài khi đứt	ASTM D412:2006 TCVN 9407:2014
418	Xác định độ cứng Shore A	ASTM D412:2006 ASTM D2240-2005 TCVN 1595:2013
	Thanh trương nở	
419	Xác định kích thước	ASTM D471:1998
420	Xác định khối lợng riêng	ASTM D471:1998
421	Độ nở thể tích sau 15 ngày ngâm trong nớc	ASTM D471:1998
	Phụ gia hóa học cho bê tông và vữa	
422	Lượng nước trộn tối đa so với mẫu đối chứng	TCVN 8826 :2011
423	Thời gian đông kết chênh lệch so với mẫu đối chứng	TCVN 8826 :2011
424	Cường độ tối thiểu so với mẫu đối chứng	TCVN 8826 :2011
425	Cường độ uốn tối thiểu so với mẫu đối chứng	TCVN 8826 :2011
426	Hàm lượng ion clo (Cl^-)	TCVN 8826 :2011
427	Hàm lượng bọt khí	TCVN 8826 :2011
428	Độ co cứng	TCVN 8826 :2011
429	Xác định độ PH	TCVN 325 :2004
430	Xác định tỷ trọng	TCVN 325 :2004
431	Xác định hàm lượng chất khô	TCVN 325 :2004
	Thử nghiệm ống nhựa, ống HDPE và phụ kiện ống	
433	Xác định độ va đập của ống nhựa	TCVN 7305 :2008
434	Thử ứng suất của ống nhựa	TCVN 7305 :2008
435	Thử độ bền kéo đứt	TCVN 7434:2004
436	Thử nghiệm ống nhựa gân xoắn - HDPE	TCVN 9070 : 2012

Ghi chú (*) – Các tiêu chuẩn kỹ thuật dùng cho các phép thử được liệt kê đầy đủ, bao gồm tiêu chuẩn Việt Nam và nước ngoài (nếu có). Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng.